

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN THỊ DIỆU

Biểu mẫu 10

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1651	534	576	541
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1203	323	399	481
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	297	120	131	46
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	102	57	31	14
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	49	34	15	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1651			
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	101	17	26	58
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	814	214	242	358
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	646	267	260	119
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	83	33	44	6
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	7	3	4	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				

1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	89,7%	81,5%	87,6%	100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	6%	3%	4,34%	10,72%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	47,85%	37,08%	40,97%	65,8%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	8,2%	16,3%	8,5%	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	2,1%	2,2%	3,9%	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	3,0%	7,9%	0,9%	0,4%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)				
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0,4%	0,7%	0,5%	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố	24			
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	541			541
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	540			540
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				

3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	484/540			89,6%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	797/854	265/269	274/302	258/283
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	64	14	23	27

Quận 3, ngày tháng năm
HIỆU TRƯỞNG

Dương Văn Thư